

Số: 95 /KH-UBND

Sơn Dương, ngày 15 tháng 03 năm 2021

**KẾ HOẠCH**  
**Tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm vụ Xuân Hè năm 2021**  
**trên địa bàn huyện Sơn Dương**

*Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Quy định về phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiên tai, dịch bệnh;*

*Căn cứ Kế hoạch số 128/KH-UBND ngày 8/12/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang về kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản năm 2021 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;*

*Căn cứ Kế hoạch số 18/KH-SNN ngày 4/03/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT về kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm năm 2021; Văn bản số 312/SNN-CN ngày 6/3/2021 về hỗ trợ vắc xin tiêm phòng tại các xã khu vực II, khu vực III và đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh;*

Để chủ động phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ đàn gia súc, gia cầm, giảm thiệt hại trong chăn nuôi, UBND huyện Sơn Dương xây dựng Kế hoạch triển khai tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm vụ Xuân Hè năm 2021 trên địa bàn huyện với nội dung như sau:

**I. Mục đích, yêu cầu**

1. Mục đích: Tăng cường công tác chỉ đạo và sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong việc tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm; tạo miễn dịch chủ động, đảm bảo cho đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện phát triển ổn định. Nâng cao nhận thức cho người chăn nuôi, cán bộ chính quyền các cấp, các ngành có liên quan về công tác phòng, chống dịch bệnh cho vật nuôi.

**2. Yêu cầu**

- Việc tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm là nhiệm vụ trọng tâm của các cấp, các ngành và trách nhiệm của toàn dân. Tiêm phòng bắt buộc 100% gia súc, gia cầm trong diện phải tiêm phòng; công tác tiêm phòng nhanh gọn, đúng quy trình kỹ thuật, đúng chủng loại vắc xin, đúng đối tượng gia súc, gia cầm, đảm bảo kỹ thuật và an toàn cho người trực tiếp tham gia.

- Tuyên truyền, vận động người chăn nuôi chấp hành các quy định về phòng, chống dịch bệnh để chủ động thực hiện tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm. Tập trung chỉ đạo tiêm phòng đúng thời gian, đảm bảo đáp ứng miễn dịch, an toàn cho vật nuôi. Tỷ lệ tiêm phòng các loại vắc xin phải đạt theo kế hoạch đã xây dựng. Thanh quyết toán vắc xin theo đúng thực tế và các quy định của nhà nước và của tỉnh.



## II. Nội dung

1. Phạm vi tiêm phòng: Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện.

2. Đối tượng tiêm phòng: Toàn bộ đàn gia súc, gia cầm thuộc diện phải tiêm phòng vắc xin phòng các bệnh truyền nhiễm theo quy định tại *Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT*.

3. Liều lượng, đường tiêm: Theo hướng dẫn của nhà sản xuất vắc xin và hướng dẫn của Chi cục Chăn nuôi và Thú y.

4. Thời gian tiêm phòng: Từ ngày 15/3 đến 15/4, tổ chức “Tháng cao điểm” tiêm phòng để tập trung chỉ đạo, đôn đốc và triển khai thực hiện công tác tiêm phòng đạt hiệu quả cao nhất. Thực hiện việc tiêm phòng bổ sung thường xuyên cho những gia súc, gia cầm chưa được tiêm chính vụ, mới nhập đàn, đến tuổi tiêm phòng thuộc đối tượng phải tiêm phòng.

### 5. Lực lượng tham gia tiêm phòng

- Lực lượng tham gia tuyên truyền, vận động người dân thực hiện tiêm phòng: Chính quyền, các tổ chức chính trị xã hội tại xã, thôn, tổ dân phố (*Mặt trận tổ quốc, đoàn Thanh niên, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh.....*).

- Lực lượng tham gia chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, tổ chức tiêm phòng: Phòng Nông nghiệp và PTNT, UBND các xã, thị trấn; Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp trực tiếp hướng dẫn, chỉ đạo kỹ thuật.

- Lực lượng trực tiếp tiêm phòng: Sử dụng lực lượng tại chỗ, UBND các xã, thị trấn trung tập những người có chuyên môn, có chứng chỉ hành nghề trên địa bàn tham gia vào công tác tiêm phòng. Mỗi xã, thị trấn thành lập 1-2 đội (tổ) tiêm phòng, mỗi đội (tổ) có từ 3-5 người.

### 6. Tiêm phòng cho vật nuôi.

#### 6.1. Các bệnh phải tiêm phòng bắt buộc

- Đàn trâu, bò: Tiêm phòng bệnh LMLM và bệnh Tụ huyết trùng.

- Đàn lợn: Tiêm phòng bệnh dịch tả, bệnh Tụ huyết trùng; Lợn nái, lợn đực giống tiêm phòng bệnh Lở mồm long móng.

- Đàn dê: Tiêm phòng bệnh Lở mồm long móng. Đàn chó, mèo: Tiêm vắc xin phòng bệnh dại.

- Đàn gia cầm: Tiêm phòng bệnh Niu cát xon, Tụ huyết trùng, Cúm gia cầm; đàn vịt tiêm vắc xin phòng bệnh dịch tả, Cúm gia cầm.

6.2. Các bệnh không thuộc diện phải tiêm phòng bắt buộc như: bệnh lép tô, bệnh phó thương hàn, bệnh phù đầu... khuyến khích người chăn nuôi tự thực hiện tiêm phòng, các xã có nhu cầu vắc xin chủ động đăng ký số lượng với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện.

### 7. Cơ chế tài chính và nguyên tắc hỗ trợ

#### 7.1. Nhà nước hỗ trợ:

- Thực hiện theo nội dung tại các Kế hoạch của UBND tỉnh: số 125/KH-UBND ngày 04/12/2019, Kế hoạch phòng, chống bệnh Cúm gia cầm trên địa bàn tỉnh Tuyên



Quang, giai đoạn 2019 - 2025; số 128/KH-UBND ngày 04/12/2020, Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật, thủy sản tỉnh Tuyên Quang năm 2021; số 11/KH-UBND ngày 21/01/2021, Kế hoạch thực hiện chương trình Quốc gia phòng, chống bệnh Lở mồm long móng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2021-2025;

- Theo các Văn bản của Sở Nông nghiệp và PTNT: Kế hoạch số 18/KH-SNN ngày 4/03/2020 về kế hoạch tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm năm 2021; Văn bản số 312/SNN-CN ngày 6/3/2021 về hỗ trợ vắc xin tiêm phòng tại các xã khu vực II, khu vực III và đặc biệt khó khăn trên địa bàn tỉnh.

7.2. Ngoài các loại vắc xin do nhà nước hỗ trợ, Chủ vật nuôi có trách nhiệm trả tiền mua vắc xin (*không được hỗ trợ ngân sách*), tiền công tiêm phòng cho người trực tiếp đi tiêm phòng theo quy định. Mức thu thực hiện theo quy định tại Thông tư 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong công tác thú y.

### III. Tổ chức thực hiện

#### 1. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn:

- Rà soát đàn gia súc, gia cầm hiện có trên địa bàn để làm cơ sở xây dựng kế hoạch và lịch tiêm phòng chi tiết đến từng thôn, xóm, tổ dân phố; chuẩn bị đủ lực lượng tham gia tiêm phòng; tổ chức thực hiện tiêm phòng các loại vắc xin cho đàn gia súc, gia cầm đạt tỷ lệ quy định.

- Chỉ đạo các tổ dân phố, thôn, xóm tổ chức họp nhân dân tuyên truyền, phổ biến sâu rộng cho người chăn nuôi biết về cơ chế, chính sách hỗ trợ của tỉnh trong tiêm phòng, trách nhiệm của chủ vật nuôi trong việc phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm, các loại bệnh phải tiêm phòng bắt buộc và ký cam kết tiêm phòng. Chỉ đạo nhân viên Chăn nuôi và Thú y cơ sở phải cấp **Giấy chứng nhận tiêm phòng** cho chủ vật nuôi đã chấp hành việc tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm và ghi đầy đủ các thông tin chính xác theo giấy chứng nhận.

- Xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật đối với các hộ chăn nuôi không chấp hành việc tiêm phòng vắc xin bắt buộc cho đàn gia súc, gia cầm thuộc diện phải tiêm phòng; tổ chức ký cam kết đối với các hộ không chấp hành tiêm phòng cho vật nuôi sẽ không được hưởng hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước khi có dịch bệnh xảy ra theo quy định tại Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiên tai, dịch bệnh.

- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện về kết quả tiêm phòng, quản lý và sử dụng các loại vắc xin được hỗ trợ trên địa bàn; tổng hợp báo cáo kết quả tiêm phòng về UBND huyện (*qua Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện tổng hợp*) 10 ngày một lần bắt đầu từ ngày **22/3/2021**.

- Kết thúc tiêm phòng chính vụ tổng hợp kết quả và thanh quyết toán tiền vắc xin tiêm phòng theo hướng dẫn của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện.

#### 2. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện

- Chịu trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn trong việc tổ chức tiêm phòng; phổ biến quán triệt Luật Thú y. Hướng dẫn kỹ thuật, xử lý các tình huống xảy ra trong và sau khi tiêm phòng. Chuẩn bị các loại vắc xin để cung ứng kịp thời, đầy đủ cho các xã, thị trấn phục vụ cho công tác tiêm phòng. Phân công cán



bộ phụ trách địa bàn hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và phối hợp với UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện tiêm phòng đảm bảo đúng kế hoạch.

- Tham mưu kịp thời cho UBND các xã, thị trấn triển khai kế hoạch tiêm phòng, kiểm tra, đôn đốc đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao; xử lý nghiêm những hành vi vi phạm Luật Thú y và Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định về phòng chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Tăng cường kiểm tra, hướng dẫn các cơ sở kinh doanh thuốc thú y phải có nguồn gốc rõ ràng, giao nhận, bảo quản, sử dụng vắc xin đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo quy định. Chịu trách nhiệm về chất lượng vắc xin; theo dõi, xử lý kịp thời các trường hợp phát dịch sau khi tiêm; các tình huống phản ứng vắc xin trong quá trình tiêm phòng.

Tổng hợp, báo cáo tiến độ tiêm phòng bằng **văn bản** về UBND huyện (qua phòng Nông nghiệp và PTNT huyện tổng hợp) 10 ngày một lần bắt đầu từ ngày **24/3/2021**. Kết thúc vụ tiêm phòng tổng hợp kết quả tiêm phòng và thanh quyết toán vắc xin tiêm phòng theo quy định.

**3.** Các cơ quan phụ trách xã, thị trấn, Thành viên Ban chỉ đạo phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm huyện căn cứ địa bàn được phân công phụ trách, thực hiện kiểm tra, đôn đốc UBND xã, thị trấn thực hiện Kế hoạch tiêm phòng theo đúng quy định; kịp thời báo cáo những khó khăn vướng mắc tại cơ sở được giao phụ trách về UBND huyện theo quy định.

**4.** Phòng Tài chính- Kế hoạch hướng dẫn UBND các xã, thị trấn lập hồ sơ, thẩm định kinh phí hỗ trợ công tác tiêm phòng và xử lý các tình huống phát sinh trong tiêm phòng.

**5.** Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực Thú y; kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, UBND xã, thị trấn tổ chức thực hiện tiêm phòng theo đúng kế hoạch; tổng hợp kết quả tiêm phòng báo cáo UBND huyện theo quy định.

Yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao, nghiêm túc tổ chức thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- T.Trực Huyện uỷ, HĐND huyện (Báo cáo);
- Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh (P/hợp);
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện;
- PCT UBND huyện Phạm Hữu Tân;
- Chánh, phó VP UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- BCĐ phòng, chống dịch bệnh GSGC;
- Phòng NN và PTNT huyện; Tài chính - Kế hoạch;
- Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện;
- Cơ quan phụ trách TNTX;
- Chuyên viên TH NLN;
- Lưu VT Đann 2 b.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

  
**Phạm Hữu Tân**



**BIỂU DỰ KIẾN TỔNG ĐÀN GIA SÚC, GIA CÀM TRONG DIỆN PHẢI TIÊM VỤ XUÂN HÈ NĂM 2021**

*(Kèm theo Kế hoạch số 95 /KH-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 của UBND huyện)*

*Đơn vị tính: con*

| Số TT            | Tên xã         | Đàn trâu      |                      | Đàn bò        |                      | Đàn lợn        |                      | Đàn gia cầm      |                      | Đàn dê        |                      | Đàn chó       |                      |
|------------------|----------------|---------------|----------------------|---------------|----------------------|----------------|----------------------|------------------|----------------------|---------------|----------------------|---------------|----------------------|
|                  |                | Tổng đàn      | Trong diện phải tiêm | Tổng đàn      | Trong diện phải tiêm | Tổng đàn       | Trong diện phải tiêm | Tổng đàn         | Trong diện phải tiêm | Tổng đàn      | Trong diện phải tiêm | Tổng đàn      | Trong diện phải tiêm |
| 1                | Tân Trào       | 569           | 455                  | 400           | 320                  | 1.206          | 965                  | 26.770           | 21.416               | 381           | 305                  | 544           | 435                  |
| 2                | Trung Yên      | 520           | 416                  | 241           | 193                  | 1.217          | 974                  | 24.952           | 19.962               | 920           | 736                  | 1.245         | 996                  |
| 3                | Minh Thanh     | 508           | 406                  | 217           | 174                  | 1.535          | 1.228                | 29.380           | 23.504               | 513           | 410                  | 1.655         | 1.324                |
| 4                | Bình Yên       | 435           | 348                  | 77            | 62                   | 1.513          | 1.210                | 20.452           | 16.362               | 252           | 202                  | 637           | 510                  |
| 5                | Lương Thiện    | 609           | 487                  | 260           | 208                  | 1.524          | 1.219                | 21.607           | 17.286               | 713           | 570                  | 982           | 786                  |
| 6                | Tú Thịnh       | 317           | 254                  | 230           | 184                  | 2.506          | 2.005                | 46.713           | 37.370               | 15            | 12                   | 1.878         | 1.502                |
| 7                | Hợp Thành      | 279           | 223                  | 312           | 250                  | 2.704          | 2.163                | 42.837           | 34.270               | 404           | 323                  | 2.020         | 1.616                |
| 8                | TT SD          | 250           | 200                  | 80            | 64                   | 1.458          | 1.166                | 32.312           | 25.850               | 15            | 12                   | 2.092         | 1.674                |
| 9                | Phúc Ứng       | 965           | 772                  | 257           | 206                  | 2.070          | 1.656                | 52.644           | 42.115               | 430           | 344                  | 2.449         | 1.959                |
| 10               | Thượng Âm      | 234           | 187                  | 283           | 226                  | 1.664          | 1.331                | 44.504           | 35.603               | 44            | 35                   | 1.287         | 1.030                |
| 11               | Khánh Nhật     | 170           | 136                  | 213           | 170                  | 2.681          | 2.145                | 23.906           | 19.125               | 243           | 194                  | 1.395         | 1.116                |
| 12               | Hợp Hoà        | 867           | 694                  | 325           | 260                  | 11.361         | 9.089                | 81.416           | 65.133               | 3.055         | 2.444                | 2.249         | 1.799                |
| 13               | Thiện Kế       | 905           | 724                  | 110           | 88                   | 7.073          | 5.658                | 62.626           | 50.101               | 93            | 74                   | 2.140         | 1.712                |
| 14               | Ninh Lai       | 1.124         | 899                  | 449           | 359                  | 10.920         | 8.736                | 71.867           | 57.494               | 50            | 40                   | 2.373         | 1.898                |
| 15               | Tân Thanh      | 1.165         | 932                  | 571           | 457                  | 4.672          | 3.738                | 51.499           | 41.199               | 1.534         | 1.227                | 2.269         | 1.815                |
| 16               | Sơn Nam        | 845           | 676                  | 577           | 462                  | 8.548          | 6.838                | 74.411           | 59.529               | 288           | 230                  | 3.051         | 2.441                |
| 17               | Đại Phú        | 1.221         | 977                  | 513           | 410                  | 10.323         | 8.258                | 75.876           | 60.701               | 1.456         | 1.165                | 4.217         | 3.374                |
| 18               | Phú Lương      | 1.060         | 848                  | 493           | 394                  | 5.916          | 4.733                | 52.639           | 42.111               | 1.086         | 869                  | 1.557         | 1.246                |
| 19               | Tam Đa         | 856           | 685                  | 609           | 487                  | 5.555          | 4.444                | 87.544           | 70.035               | 436           | 349                  | 1.693         | 1.354                |
| 20               | Hào Phú        | 561           | 449                  | 451           | 361                  | 2.863          | 2.290                | 55.613           | 44.490               | 149           | 119                  | 727           | 582                  |
| 21               | Trường Sinh    | 583           | 466                  | 787           | 630                  | 2.446          | 1.957                | 39.137           | 31.310               | 130           | 104                  | 1.308         | 1.046                |
| 22               | Đông Lợi       | 603           | 482                  | 690           | 552                  | 4.181          | 3.345                | 40.167           | 32.134               | 1.220         | 976                  | 1.278         | 1.022                |
| 23               | Hồng Lạc       | 407           | 326                  | 147           | 118                  | 3.389          | 2.711                | 43.333           | 34.666               |               | -                    | 1.708         | 1.366                |
| 24               | Vân Sơn        | 263           | 210                  | 234           | 187                  | 1.337          | 1.070                | 24.005           | 19.204               |               | -                    | 1.100         | 880                  |
| 25               | Văn Phú        | 430           | 344                  | 417           | 334                  | 4.567          | 3.654                | 48.249           | 38.599               | 554           | 443                  | 1.981         | 1.585                |
| 26               | Đồng Quý       | 386           | 309                  | 204           | 163                  | 2.506          | 2.005                | 23.176           | 18.541               | 321           | 257                  | 581           | 465                  |
| 27               | Quyết Thắng    | 436           | 349                  | 84            | 67                   | 2.538          | 2.030                | 28.634           | 22.907               | 87            | 70                   | 575           | 460                  |
| 28               | Chi Thiết      | 427           | 342                  | 460           | 368                  | 3.118          | 2.494                | 35.424           | 28.339               | 93            | 74                   | 392           | 314                  |
| 29               | Đông Thọ       | 1.301         | 1.041                | 400           | 320                  | 5.519          | 4.415                | 55.011           | 44.009               | 1             | 1                    | 2.771         | 2.217                |
| 30               | Cấp Tiến       | 417           | 334                  | 646           | 517                  | 3.585          | 2.868                | 57.357           | 45.886               | 327           | 262                  | 2.029         | 1.623                |
| 31               | Vĩnh Lợi       | 432           | 346                  | 285           | 228                  | 3.376          | 2.701                | 53.334           | 42.667               | 81            | 65                   | 2.040         | 1.632                |
| 32               | Cty Future Mil |               | -                    | 1.423         | 1.138                |                | -                    |                  | -                    |               | -                    |               | -                    |
| 33               | DABACO         |               | -                    |               | -                    | 31.724         | 25.379               |                  | -                    |               | -                    |               | -                    |
| <b>Tổng cộng</b> |                | <b>19.145</b> | <b>15.317</b>        | <b>12.445</b> | <b>9.957</b>         | <b>155.595</b> | <b>124.475</b>       | <b>1.427.395</b> | <b>1.141.918</b>     | <b>14.891</b> | <b>11.912</b>        | <b>52.223</b> | <b>41.779</b>        |



## DANH SÁCH CÁC XÃ ĐƯỢC HỖ TRỢ VẮC XIN TIÊM PHÒNG CHO ĐÀN GIA SÚC, GIA CẦM

(Kèm theo Kế hoạch số 95 /KH-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2021 của UBND huyện)

| STT | Tên xã      | Khu vực | Ghi chú                                    |
|-----|-------------|---------|--|
| 1   | Chi Thiết   | III     | Xã đặc biệt khó khăn                       |
| 2   | Đại Phú     | II      | Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số           |
| 3   | Đông Thọ    | II      |  |
| 4   | Hào Phú     | II      |  |
| 5   | Hợp Thành   | II      | Xã đặc biệt khó khăn                       |
| 6   | Kháng Nhật  | II      |  |
| 7   | Ninh Lai    | II      | Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số           |
| 8   | Phú Lương   | II      |  |
| 9   | Phúc Ứng    | II      |  |
| 10  | Phúc Ứng    | II      |  |
| 11  | Sơn Nam     | II      | Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số           |
| 12  | Tam Đa      | II      |  |
| 13  | Thiện Kế    | II      | Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số           |
| 14  | Thượng Âm   | II      |  |
| 15  | Tú Thịnh    | II      |  |
| 16  | Tân Thanh   | II, III | Xã Thanh Phát trước khi sát nhập là xã ĐBK |
| 17  | Văn Phú     | II      |  |
| 18  | Vân Sơn     | II      |  |
| 19  | Vĩnh Lợi    | II      | Hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số           |
| 20  | Bình Yên    | III     | Xã đặc biệt khó khăn                       |
| 21  | Đông Lợi    | III     | Xã đặc biệt khó khăn                       |
| 22  | Đồng Quý    | III     | Xã đặc biệt khó khăn                       |
| 23  | Hợp Hòa     | III     | Xã đặc biệt khó khăn                       |
| 24  | Lương Thiện | III     | Xã đặc biệt khó khăn                       |
| 25  | Minh Thanh  | III     | Xã đặc biệt khó khăn                       |
| 26  | Quyết Thắng | III     | Xã đặc biệt khó khăn                       |
| 27  | Trung Yên   | III     | Xã đặc biệt khó khăn                       |

Ghi chú: Đối với xã Trường Sinh, Sở Nông nghiệp và PTNT đang đợi ý kiến UBND tỉnh về hỗ trợ vắc xin tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm